

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẮNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **103/2017/HSST**  
Ngày: 24/8/2017

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bá Đức.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Doãn Đức Hùng.

2/ Bà Lê Thị Bích Hằng.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Huyền -  
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 98/2017/HSST ngày 01/8/2017 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Nguyễn Văn N, sinh năm 1996. Tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không

Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1977.

Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo tại ngoại (Có mặt).

\* *Người bị hại:* Ông Lê Văn N1, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Ngô Duy S, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T2, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

## NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn N là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định. Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 17/5/2017, N đi bộ qua nhà ông Lê Văn N1 ở ấp T, xã T1, huyện T2 chơi thì thấy nhà ông N1 khóa cửa và không có ở nhà. N đi bộ ra phía sau nhà thì thấy cửa sổ phòng ngủ phía sau không đóng nên N đi lại gần cửa sổ và quan sát vào bên trong phòng thì phát hiện trên kệ gương treo trên tường cách cửa sổ khoảng 01 mét có 01 điện thoại di động Iphone 5S của ông N1 đang sạc pin nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. N lấy 01 khúc cây tre dài 1,3 mét ở đồng củi của nhà ông N1 rồi đi lại cửa sổ đưa khúc tre qua cửa sổ vào bên trong phòng khều lấy điện thoại đưa ra ngoài và bỏ vào túi quần rồi ném khúc tre vào đồng củi rồi đi về nhà. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N mượn xe mô tô (không rõ biển số) của bà Lê Thị B và điều khiển xe đến Cửa hàng điện thoại "DS" ở ấp T, xã C, huyện T2 do ông Ngô Duy S làm chủ và bán chiếc điện thoại trộm cắp được của ông N1 cho ông S với giá 2.700.000 đồng. N dùng số tiền trên mua lại của ông S 01 điện thoại di động Oppo Joy 3 với giá 1.500.000đ. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, do nghi ngờ N lấy trộm nên ông N1 đã làm đơn tố cáo gửi Công an xã T1. Quá trình làm việc ban đầu N khai nhận đã lấy trộm tài sản của ông N1 nên Công an xã T1 chuyển hồ sơ cùng đối tượng cho Công an huyện Trảng Bom để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ gồm: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã truy tìm được 01 khúc cây tre dài 1,3 mét; ông Ngô Duy S đã giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 5S, Nguyễn Văn N đã giao nộp 01 điện thoại di động Oppo Joy 3 và số tiền 1.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 5S đã qua sử dụng có trị giá là 2.500.000 đồng. Ngày 26/5/2017 và ngày 24/7/2017, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động Iphone 5S cho ông Lê Văn N1, trả lại 01 điện thoại di động Oppo Joy 3 số tiền 1.200.000 đồng cho ông Ngô Duy S. Ông S và ông N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số: 110/CT-VKS-HS ngày 31/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo Nguyễn Văn N với mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

### **XÉT THẤY**

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 17/5/2017, tại nhà ông Lê Văn N1 ngụ tại ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai, bị cáo lút trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 5S của ông N1.

Người bị hại ông Lê Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra xác định vào chiều ngày 17/5/2017, bị cáo đã trộm cắp của ông N1 01 điện thoại di động Iphone 5S.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Bản kết luận định giá tài sản (Bút lục số 15), Biên bản khám nghiệm hiện trường (Bút lục số 27, 28). Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 17/5/2017, tại nhà ông Lê Văn N1 ngụ tại ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động Iphone 5S của ông N1. Do đó, có đủ yếu tố kết luận bị cáo Nguyễn Văn N1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo Nguyễn Văn N đã trộm cắp tài sản có giá trị định giá tài sản là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) nên cần áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến việc bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gây thiệt hại không lớn do tài sản đã được thu hồi giao trả cho người bị hại; nên cần áp dụng điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt thể hiện sự nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 khúc cây tre dài khoảng 1,3 mét do không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lê Văn N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Duy S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với ông Ngô Duy S khi mua điện thoại di động Iphone 5S không biết tài sản do bị cáo N phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô (không rõ biển số) là tài sản của bà Lê Thị B, việc bị cáo N mượn xe mô tô và sử dụng làm phương tiện đi tiêu thụ tài sản thì bà B không biết; đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ nguồn gốc chiếc xe trên xử lý sau.

Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo N vào trại giam chấp hành án.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 khúc cây tre dài khoảng 1,3 mét (Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/7/2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- CA huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN BÁ ĐỨC**